

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH -
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ
DU LỊCH - BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011*Số: 05/2011/TTLT-BVHTTDL-
BGTVT**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**
**Quy định về vận chuyển khách du lịch bằng ô tô và cấp biển hiệu
cho xe ô tô vận chuyển khách du lịch**

Căn cứ Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải,

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận chuyển khách du lịch như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư liên tịch này quy định về hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu “xe ô tô vận chuyển khách du lịch” trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền, cơ quan, tổ chức tham gia quản lý hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ kinh doanh (gọi tắt là đơn vị kinh doanh) tham gia kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội thất, tiện nghi đối với xe ô tô vận chuyển khách du lịch

1. Ô tô dưới 09 chỗ ngồi phải có điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng.

2. Ô tô từ 09 chỗ ngồi đến dưới 24 chỗ ngồi, ngoài các quy định tại khoản 1 điều này phải có rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, bình chữa cháy, búa sử dụng để thoát hiểm, thùng chứa rác, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe.

3. Ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan hoặc ô tô hai tầng), ngoài các quy định tại khoản 2 Điều này phải trang bị micro, tivi và khu vực cất giữ hành lý cho khách du lịch.

4. Ô tô chuyên dụng caravan hoặc ô tô hai tầng, ngoài các quy định tại khoản 3 Điều này phải có chỗ sơ cấp cứu (đối với ô tô hai tầng) và phòng nghỉ tạm thời (đối với ô tô chuyên dụng caravan).

Điều 4. Quy định đối với lái xe và nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển khách du lịch

1. Lái xe ô tô vận chuyển khách du lịch, ngoài việc phải đáp ứng các quy định của pháp luật đối với người lái xe, phải có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch.

2. Nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển khách du lịch phải có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch, trừ trường hợp nhân viên phục vụ trên xe vận chuyển khách du lịch đồng thời là Hướng dẫn viên du lịch hoặc Thuyết minh viên.

3. Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức tập huấn và cấp theo mẫu Phụ lục 5. Nội dung tập huấn bao gồm: Tổng quan về du lịch Việt Nam; Lễ tân và văn hóa giao tiếp, ứng xử; Tâm lý và phong tục, tập quán của khách du lịch; Sơ cứu, cấp cứu y tế và tiếng Anh theo Khung chương trình quy định tại Phụ lục 6. Thời gian tập huấn là năm ngày.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn chuyên vận chuyển khách du lịch gửi đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh. Hồ sơ một bộ gồm có:

a) Giấy đề nghị xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch kèm theo danh sách xe đề nghị xác nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục 1;

b) Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô và giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế hoặc giấy đăng ký kinh doanh lữ hành (bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu);

c) Bản sao các loại giấy tờ: giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của các xe có tên trong danh sách đề nghị; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện.

2. Hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch gửi đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh. Hồ sơ một bộ gồm có:

a) Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 3;

b) Giấy xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (bản chính);

c) Giấy phép Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao);

d) Giấy tờ quy định tại điểm b và c khoản 1 điều này.

Điều 6. Thủ tục cấp biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch

1. Trong thời gian tối đa là ba ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định trên cơ sở hồ sơ và kiểm tra, đối

chiều trên thực tế từng phương tiện theo các quy định tại Điều 3 Thông tư này và cấp giấy xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 2. Trường hợp từ chối xác nhận phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

2. Trong thời gian tối đa là hai ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

Điều 7. Biển hiệu và thời hạn biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch

1. Biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch có tên, chất liệu, kích thước, màu sắc, kiểu dáng theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.

2. Biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch có thời hạn 24 tháng và có giá trị trong phạm vi toàn quốc.

Điều 8. Ưu tiên đối với ô tô có biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch

1. Được ưu tiên trong việc bố trí nơi dừng, đỗ thuận tiện để đón, tiễn khách du lịch tại bến xe, nhà ga, sân bay, bến cảng, bến thuyền, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch và các cơ sở dịch vụ du lịch khác.

2. Được phép hoạt động không hạn chế về thời gian trên tuyến đường dẫn đến các khách sạn từ 3 sao trở lên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch

1. Sáu tháng một lần kể từ ngày phương tiện được cấp biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch đưa vào hoạt động, đơn vị kinh doanh gửi báo cáo kết quả kinh doanh vận chuyển khách du lịch đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục 7.

2. Ít nhất mười lăm ngày trước khi biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch hết thời hạn sử dụng, đơn vị kinh doanh phải gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề nghị cấp lại biển hiệu; thủ tục cấp lại biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch như cấp lần đầu.

3. Kinh phí tổ chức các lớp tập huấn, cấp giấy chứng nhận, cấp và cấp lại biển hiệu theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch

1. Tháng 10 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi báo cáo thống kê số lượng phương tiện được cấp biển hiệu ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch, kết quả tổng hợp kinh doanh vận chuyển khách du lịch của các đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch trên địa bàn về Tổng cục Du lịch Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

2. Mỗi năm hai lần (vào tháng 5 và tháng 10) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản thống kê kết quả tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ du lịch cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển khách du lịch đến Sở Giao thông vận tải để phối hợp quản lý.

3. Mỗi năm một lần (trừ trường hợp kiểm tra đột xuất), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch và gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Tổng cục Du lịch Việt Nam và Tổng cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Giao thông vận tải.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tổ chức phân luồng giao thông bảo đảm để các xe ô tô được cấp biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch được phép hoạt động quy định tại khoản 2, Điều 8 Thông tư này.

2. Tháng 10 hàng năm, Sở Giao thông vận tải gửi văn bản thống kê số lượng phương tiện đã cấp biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch và báo cáo việc cấp biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

3. Mỗi năm hai lần (tháng 5 và tháng 10) Sở Giao thông vận tải gửi văn bản thống kê số lượng phương tiện đã cấp biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phối hợp quản lý.

4. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký.
2. Tổng cục Du lịch Việt Nam (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Giao thông vận tải để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỨ TRƯỞNG**

Lê Mạnh Hùng

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THỨ TRƯỞNG**

Hồ Anh Tuấn

Phụ lục 1

*(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BVHTTDL-BGTVT
ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và
Du lịch và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TÊN ĐƠN VỊ
KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
....., ngày..... tháng..... năm 2010

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN
XE Ô TÔ VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.....

Tên đơn vị kinh doanh:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Trụ sở:

Số điện thoại:..... (Fax):.....

Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh
doanh) số:..... do,
cấp ngày tháng..... năm.....

Lĩnh vực kinh doanh:

Số xe đề nghị xác nhận:..... xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển số	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
4							
5							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo (bản sao) gồm: Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận chuyển khách (1); Giấy chứng nhận đăng ký ô tô (2); Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (3); Giấy chứng nhận Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện (4).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Du lịch, BVHTTDL (*để b/c*);
- Lưu VT, Phòng DL.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA
ĐƠN VỊ KINH DOANH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2

*(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BVHTTDL-BGTVT
ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và
Du lịch và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

UBND
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN
XE ÔTÔ VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Kính gửi:

Ngày..... tháng..... năm..... Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
nhận được hồ sơ kèm theo Công văn số...../..... ngày..... tháng.....
năm..... của về việc "Đề nghị xác nhận ô tô đạt
tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch".

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra, đối chiếu các quy định hiện hành, Sở Văn
hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận như sau:

Tên đơn vị kinh doanh:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....; Số fax:.....

Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh
doanh vận chuyển khách) số:....., cấp ngày...../...../....., cơ
quan cấp:.....

Tổng số ô tô đề nghị xác nhận:

Tổng số ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch:..... xe (Danh sách)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển số	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
...							

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Du lịch, BVHTTDL (để b/c);
- Lưu VT, Phòng DL.

GIÁM ĐỐC
(HOẶC PHÓ GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**TÊN ĐƠN VỊ
KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP BIỂN HIỆU “XE ÔTÔ VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị kinh doanh:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Trụ sở:

Số điện thoại:..... (Fax):.....

Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do....., cấp ngày tháng..... năm.....

Lĩnh vực kinh doanh:.....

Số xe đề nghị cấp biển hiệu: xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển số	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
4							
5							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo gồm: Giấy xác nhận ô tô vận chuyển khách du lịch (bản chính) (1) và các bản sao: Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận chuyển khách (2); Giấy chứng nhận đăng ký ô tô (3); Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (4); Giấy chứng nhận Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện (5); Giấy phép lái xe (6); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe (7).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Nt;
- Lưu

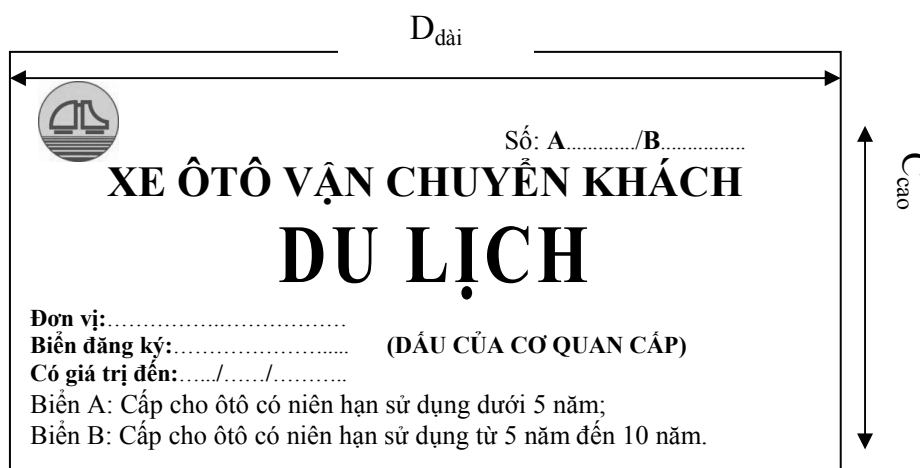
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA
ĐƠN VỊ KINH DOANH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4

BIÊN HIỆU ÔTÔ ĐẠT TIÊU CHUẨN VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu biển hiệu:



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ:

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
Số: A...../B.....	VnTime	Cỡ chữ 16 ± 18	
XE VẬN CHUYỂN KHÁCH	VnTimeH (kéo dẫn)	8mm ± 2 mm	7mm ± 2 mm
DU LỊCH	VnTimeH (kéo dẫn)	20mm ± 3mm	15mm ± 3mm
Đơn vị: Biển đăng ký: Có giá trị đến:	VnTime	Cỡ chữ 16 ± 18	
Dấu của cơ quan cấp	Đóng trực tiếp lên biển hiệu		

3. Kích thước biển hiệu (tối thiểu), tỷ lệ này được thay đổi tùy thuộc kích thước từng loại xe:

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$;

Chiều cao: $C_{\text{cao}} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$.

4. Màu sắc biển hiệu:

Viền đỏ, Chữ xanh đậm,

Góc trên bên trái có Logo tròn trông mái.



5. Chất liệu biển hiệu: Giấy cứng

6. Số biển hiệu (cấp Biển A thì Biển B để trống và ngược lại):

Biển A: Cấp cho ô tô có niên hạn sử dụng dưới 5 năm;

Biển B: Cấp cho ô tô có niên hạn sử dụng từ 5 năm đến 10 năm.

Phụ lục 5

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

UBND..... SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ DU LỊCH PHỤC VỤ TRÊN XE ÔTÔ VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH	
Số:	
Họ và tên:	
Sinh ngày:	
Nơi cư trú:	
Giấy CMND số:	
Đã qua lớp tập huấn tại:	
....., ngày..... tháng..... năm.....	
<div style="border: 1px solid black; width: 60px; height: 60px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> Ảnh 4 x 6 </div>	GIÁM ĐỐC HOẶC PHÓ GIÁM ĐỐC <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
GCN có giá trị đến	

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

- Giấy chứng nhận này chỉ cấp cho người đã hoàn thành khóa tập huấn theo nội dung quy định.
- Giấy chứng nhận có giá trị 24 tháng kể từ ngày cấp và không có giá trị thay thế giấy tờ tùy thân.
- Giấy chứng nhận sẽ không có giá trị sử dụng khi bị tẩy xóa hoặc có sự thay đổi nội dung.

Khổ giấy: dài 100mm, rộng 65mm

Phụ lục 6

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 05/2011/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**BỘ VĂN HÓA, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC DU LỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH
TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ DU LỊCH**

TT	Nội dung tập huấn	Thời lượng	Ghi chú
1	Tổng quan về du lịch Việt Nam	10T	
	- Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về du lịch		
	- Hệ thống các văn bản QPPL về du lịch và các văn bản khác có liên quan du lịch		
	- Hệ thống DN và cơ sở dịch vụ du lịch		
	- Các loại hình du lịch		
	- Môi trường và du lịch		
	- Phát triển du lịch bền vững		
2	Kiến thức Lễ tân và Văn hóa giao tiếp, ứng xử	8T	
	- Nguyên tắc và một số lễ nghi giao tiếp quốc tế		
	- Tập quán giao tiếp và ứng xử ở một số nước		
	- Lễ tân trong hoạt động du lịch (đón, tiễn, giao tiếp với khách - trực tiếp hoặc qua điện thoại...)		
3	Tâm lý và phong tục, tập quán của khách du lịch	8T	
	- Nhu cầu du lịch và các nhu cầu khi đi du lịch		
	- Sở thích và tâm trạng của khách du lịch		
	- Đặc điểm tâm lý và tập quán của một số nhóm khách		
	- Tâm lý và vai trò của cộng đồng dân cư trong hoạt động du lịch		

TT	Nội dung tập huấn	Thời lượng	Ghi chú
4	Kiến thức sơ, cấp cứu y tế	6T	
	- Nhận dạng và sử dụng được các loại thuốc tây y thông dụng		
	- Biết hô hấp nhân tạo		
5	Kiến thức tiếng Anh	8T	
	- Tự giới thiệu được về nhân thân và công việc đang làm		
	- Nghe hiểu và trả lời được cho khách du lịch các thông tin: chỉ dẫn đường đi, thời tiết, tỷ giá hối đoái, bưu điện, cơ sở y tế (bệnh viện, cửa hàng dược), cơ quan bảo hiểm, các điểm du lịch, mua sắm, giải trí và địa chỉ các cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế		
	- Biết giới thiệu sơ lược về đơn vị của mình		

Loại khách	Số lượng khách (người)			Ngày khách trung bình (ngày)	Giá tour/ khách (VND hoặc USD)	Giới tính		Độ tuổi			
	Khách đi lẻ	Khách đi theo đoàn	Tổng số khách			Nam	Nữ	Dưới 18	Từ 18 -30	Từ 31 - 60	Trên 60
2. Khách quốc tế											
Châu Á											
Châu Âu											
Châu Mỹ											
Châu Úc											
Châu Phi											
Cộng (2)											
Tổng cộng (1 + 2)											

III. Kết quả kinh doanh

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Danh mục	Nội dung	Số tiền	So cùng kỳ năm trước (%)
1	Doanh thu	a. Nội địa		
		b. Quốc tế		
		Tổng (a + b)		
		Bình quân/khách		
2	Chi phí	Tổng chi phí		
3	Lợi nhuận	a. Trước thuế		
		b. Lãi ròng		
		Lãi ròng bình quân/khách		

STT	Danh mục	Nội dung	Số tiền	So cùng kỳ năm trước (%)
4	<i>Nợ ngân sách</i>	a. Phải nộp		
		b. Đã nộp		
		Còn phải nộp (a - b)		
		Bình quân/khách		

IV. Lao động trong doanh nghiệp

Đơn vị tính: người

STT	Vị trí	Số lượng	Ghi chú
1	Quản lý, điều hành		
2	Lái xe		
3	Hướng dẫn viên		
4	Lao động khác		
	Tổng cộng		

V. Đề xuất, kiến nghị

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)